

**CÔNG TY TNHH TH MN KHU VƯỜN NHO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TH MN KHU VƯỜN NHO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110175972

**3. Ngày thành lập:** 09/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 61 phố Trần Điền, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0378739266

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý thẻ cào điện thoại; Đại lý sim, card điện thoại; Đại lý mua, bán và ký gửi hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá); Môi giới (trừ môi giới bất động sản).                                                                                                | 4610        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn sữa và các sản phẩm chế biến từ sữa; Bán buôn bánh kẹo các loại; Bán buôn các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột; Bán buôn thực phẩm chức năng; Bán buôn yến sào; Bán buôn chè (không hoạt động tại trụ sở).                                                   | 4632        |
| 3.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; đồ uống không có cồn; Bán buôn nước yến.                                                                                                                                                                                                                    | 4633        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn thuốc. Bán buôn dụng cụ y tế. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành). Bán buôn khăn ướt vệ sinh (làm từ vải không dệt). Bán buôn khăn giấy, hộp đựng khăn giấy. | 4649        |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn nắm linh chi các loại, sâm các loại; Bán buôn các sản phẩm dinh dưỡng.                                                                                                                                                                     | 4669        |
| 7.  | Dịch vụ đóng gói<br>Chi tiết: Gia công đóng gói sản phẩm (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)                                                                                                                                                                                                                      | 8292        |
| 8.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8511(Chính) |
| 9.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8512        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8531 |
| 11. | Đào tạo trung cấp<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                               | 8532 |
| 12. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy luyện chữ đẹp; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính. | 8559 |
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                         | 8560 |
| 14. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                       | 9511 |
| 15. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                      | 9512 |
| 16. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                                                                       | 6619 |
| 17. | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Đại lý bảo hiểm                                                                                                                                                                                                          | 6622 |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                                                                                                                                | 7020 |
| 19. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                 | 7310 |
| 20. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                           | 7320 |
| 21. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại. Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí; trừ hoạt động đấu giá và các hàng hóa và dịch vụ Nhà nước cấm)                    | 4719 |
| 22. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ yến sào, chè yến, súp yến; Bán lẻ cà phê hòa tan, bột ngũ cốc hòa tan; Bán lẻ thực phẩm chức năng.                                                                                                         | 4722 |
| 23. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Chế biến thực phẩm từ yến sào (tổ yến)                                                                                                                                                                              | 1079 |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định                                                                                                                             | 4931 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                              | 4932 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                       | 4933 |
| 27. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet                                                                                                                                                                                                 | 6190 |
| 28. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7911 |

|     |                                                                                                                                                                           |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 29. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                       | 7990                                                         |
| 30. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4741                                                         |
| 31. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                 | 4742                                                         |
| 32. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                          | 4771                                                         |
| 33. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.                    | 4772                                                         |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí; trừ hoạt động đấu giá và các hàng hóa và dịch vụ Nhà nước cấm) | 4773                                                         |
| 35. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                             | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ OANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 15/03/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038184021893

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 217 đường Liên Khu 4-5, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 217 đường Liên Khu 4-5, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ OANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/03/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038184021893

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 217 đường Liên Khu 4-5, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 217 đường Liên Khu 4-5, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội